BỘ NỘI VỤ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr-BNV	*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*
(dự thảo)	

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định quy định về tinh giản biên chế để thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế để thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây viết tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2020/NĐ-CP); gửi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan bộ, cơ quan ở Trung ương (Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Công tác đại biểu, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán Nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ) và địa phương (Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ để xin ý kiến nhân dân, các tổ chức và cá nhân có liên quan. Trên cơ sở ý kiến tham gia của 88 Bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Văn bản số….ngày ... /... /2023, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2015-2022

Thực hiện chủ trương tiếp tục tinh giản biên chế tại Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở (sau đây gọi tắt là Kết luận số 64-KL/TW), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP. Sau 08 năm thực hiện, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế như sau:

1. Về kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Theo số liệu thẩm tra tinh giản biên chế đến ngày 15/10/2018 và số liệu kiểm tra tinh giản biên chế đến 31/12/2022 của Bộ Nội vụ thì số liệu tinh giản biên chế của các Bộ, ngành, địa phương đến nay là 79.178 người (Bộ, ngành: 5.511 người; địa phương: 73.667 người), cụ thể:

Nếu tính theo đối tượng áp dụng thì số viên chức nghỉ tinh giản biên chế cao nhất (tỷ lệ 66,115%); cán bộ, công chức cấp xã (tỷ lệ 19,020%) và thấp nhất là người làm việc tại khu vực doanh nghiệp (tỷ lệ 0,216%); người làm việc tại các Hội (tỷ lệ 0,230%).

Nếu tính theo lý do tinh giản biên chế thì tinh giản biên chế do đánh giá hàng năm không hoàn thành nhiệm vụ cao nhất (tỷ lệ 52,712%); do chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo (tỷ lệ 15,684%); dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, đơn vị hành chính (tỷ lệ 15,447%) và thấp nhất là do sức khỏe không đảm bảo (tỷ lệ 3,746%).

Nếu tính theo chính sách được hưởng thì đối tượng hưởng chính sách về hưu trước tuổi cao nhất (tỷ lệ 81,813%); chính sách thôi việc ngay (tỷ lệ 18%); chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước (tỷ lệ 0,115%) và thấp nhất là chính sách thôi việc sau khi đi học nghề (tỷ lệ 0,072%).

2. Mặt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Mặt được

- Chính sách tinh giản biên chế được ban hành tạo cơ sở pháp lý để áp dụng chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tiết kiệm giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương.

- Các Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đã quy định rõ về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc; trình tự thủ tục giải quyết tinh giản biên chế, tạo điều kiện điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế; đồng thời đã phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương chủ động trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

b) Hạn chế, tồn tại

- Kết quả tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 tuy đạt về chỉ tiêu số lượng nhưng chưa thực sự gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Có ý kiến cho rằng việc tinh giản biên chế trong thời gian qua chủ yếu giảm số người về hưu, thôi việc, nghỉ việc, chỉ giảm những người tinh (có đủ năng lực tham gia khu vực tư) mà chưa thực sự gắn với việc đánh giá xếp loại hoàn thành công việc. Bên cạnh đó có những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện muốn nghỉ hưu, thôi việc nhưng lại không thuộc đối tượng tinh giản biên chế nên họ lựa chọn làm việc với hiệu quả làm việc không cao để "được" đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ để thực hiện tinh giản biên chế. Thực trạng như vậy vừa gây ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hoạt động công vụ, vừa gây lãng phí ngân sách nhà nước.

- Chính sách tinh giản biên chế chưa đủ mạnh, chưa đủ hấp dẫn để giải quyết triệt để các trường hợp tinh giản biên chế, đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2021.

- Công tác rà soát, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của một số cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn là khâu yếu, chưa thực sự chặt chẽ, khách quan; còn nể nang; do đó việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với các trường hợp có năng lực hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm hiện đảm nhiệm chưa thực sự hiệu quả.

c) Nguyên nhân khách quan, chủ quan của hạn chế, tồn tại

- Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, thời gian qua tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn là "khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến. Do việc đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức chưa đúng thực chất nên việc triển khai áp dụng chính sách tinh giản biên chế ở nhiều nơi chưa đúng mục tiêu đưa ra khỏi đội ngũ những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện và không đáp ứng được yêu cầu công việc nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức; thậm chí có nhiều trường hợp còn xin "được" không hoàn thành nhiêm vụ để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, vừa gây ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hoạt động công vụ, vừa gây lãng phí ngân sách nhà nước.

- Việc tổ chức triển khai xác định vị trí việc làm chưa được thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương và trong cả hệ thống chính trị nên chưa có điều kiện để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

3. Đề xuất, kiến nghị

Các Bộ, ngành, địa phương kiến nghị xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tinh giản biên chế để thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP trên cơ sở kế thừa các chính sách hiện hành, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chủ trương của Đảng, của pháp luật hiện hành.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2020/NĐ-CP

1. Căn cứ chính trị

a) Kết luận số 08-KL/TW ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, trong đó đã thống nhất lấy tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 (sau đây gọi tắt là Kết luận số 08-KL/TW) và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2020/NĐ-CP) để làm căn cứ xác định điều kiện về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

b) Thông báo số 20-KL/TW ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi

bị kỷ luật (sau đây gọi tắt là Thông báo số 20-KL/TW), trong đó có chủ trương cán bộ sau khi từ chức, miễn nhiệm do bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách, nếu xin tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc xin nghỉ công tác thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm theo nguyện vọng.

c) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 (sau đây gọi tắt là Kết luận số 48-KL/TW), đã đánh giá việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2019 còn một số hạn chế như chưa thực hiện tốt công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư và đề nghị giai đoạn 2023-2030 có quy định rõ việc sử dụng và lộ trình sắp xếp số lượng biên chế cán bộ, công chức và số lượng cấp phó của các đơn vị hành chính dôi dư sau sắp xếp.

2. Căn cứ pháp lý

Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15), đã đánh giá công tác bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính còn lúng túng, số lượng người dôi dư cần tiếp tục giải quyết còn nhiều. Một trong những vướng mắc, bất cập nêu trên là do các cơ chế tài chính hiện hành chưa thực sự phù hợp và đủ mạnh để có thể khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ổn định đời sống, tạo việc làm mới. Do vậy, nhiệm vụ, giải pháp là tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022-3030 là nghiên cứu, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật khác có liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính để tạo thuận lợi cho các địa phương kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí công tác cán bộ; có chính sách ưu đãi, khuyến khích phù hợp theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ngay.

3. Căn cứ thực tiễn

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2022 và những kiến nghị, đề xuất về khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương để tiếp tục đẩy mạnh tinh giản biên chế giai đoạn tới thì việc ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP để thể chế hóa các chủ trương của Đảng, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu trên là cần thiết, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị thì việc ban hành Nghị định quy định về tinh giản biên chế nhằm giải quyết chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế, đặc biệt là có chính sách đủ mạnh đối với đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ việc ngay.

2. Quan điểm

Nội dung ban hành Nghị định quy định về tinh giản biên chế trên cơ sở kế thừa những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là 03 Nghị định); thể chế hóa các chủ trương của Đảng, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định của pháp luật nhằm giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế; khắc phục các tồn tại, hạn chế của các Nghị định quy định về chính sách tinh giản biên chế hiện hành.

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Nội vụ đã triển khai các công việc sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo và Tổ Biên tập (Quyết định số 109/QĐ-BNV ngày 20/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ); xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định, Báo cáo đánh giá thực trạng, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (đối tượng chịu sự tác động của Văn bản); đăng tải toàn bộ dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

3. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định tại Văn bản số ..... /BNV-TCBC ngày .../ .../2023.

4. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp (tại Văn bản số ....), Bộ Nội vụ đã tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét, quyết định.

V. VỀ BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về bố cục

Dự thảo gồm 04 Chương và 23 Điều, bao gồm: Chương I những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6); Chương II quy định về chính sách tinh giản biên chế (từ Điều 7 đến Điều 14); Chương III quy định về về trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế (từ Điều 15 đến Điều 20) và Chương IV quy định về điều khoản thi hành (Điều 21 đến Điều 23).

2. Nội dung chính của dự thảo Nghị định

a) Về tên của dự thảo Nghị định

Đề nghị sửa lại tên Nghị định này "Quy định về tinh giản biên chế" để phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định.

b) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Kế thừa quy định còn phù hợp tại 03 Nghị định, dự thảo Nghị định đề nghị thay đoạn "Nghị định quy định về chính sách tinh giản biên chế để thực hiện trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau" bằng "Nghị định quy định về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, chính sách tinh giản biên chế và trách nhiệm trong thực hiện tinh giản biên chế ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau" cho phù hợp với nội dung của dự thảo Nghị định.

c) Về đối tượng tinh giản biên chế (Điều 2)

Kế thừa quy định còn phù hợp tại 03 Nghị định, dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nhằm giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ ngay theo yêu cầu của Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15.

d) Về các trường hợp tinh giản biên chế (Điều 5)

Kế thừa quy định về các trường hợp tinh giản biên chế quy định tại 03

Nghị định. So với quy định hiện hành, dự thảo Nghị định đề nghị:

- Bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện tinh giản biên chế được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Đối với trường hợp cán bộ chưa đạt trình độ đào tạo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm: Dự thảo đề nghị đối với cán bộ thì trong nhiệm kỳ bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo nếu không đạt chuẩn trình độ đào tạo ở vị trí hiện đảm nhiệm, cá nhân có nhu cầu tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý; đồng thời, cơ quan, tổ chức có phương án bổ sung thay thế người có trình độ đạt chuẩn nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

- Bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ, chức danh do không đủ điều kiện tái cử, tái bổ nhiệm, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Bổ sung trường hợp trong thời gian bị kỷ luật cán bộ chưa đến mức bị bãi nhiệm, công chức, viên chức chưa đến mức bị buộc thôi việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân có kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định đạt dưới 50% hoặc trong thời gian bị kỷ luật cán bộ chưa đến mức bị bãi nhiệm, công chức, viên chức chưa đến mức bị buộc thôi việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý để nhằm thể chế hóa chủ trương của Bộ Chính trị tại Thông báo số 20-KL/TW.

- Bổ sung người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ trong thời gian 06 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

đ) Các trường hợp chưa giải quyết tinh giản biên chế (Điều 6)

Tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP quy định chưa xem xét giải quyết tinh giản biên chế đối với các trường hợp đang bị ốm đau, đang mang thai, nghỉ thai sản và nuôi con dưới 36 tháng để nhằm bảo vệ quyền lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, nhiều cá nhân thuộc các trường hợp trên nhưng có nguyện vọng tinh giản biên chế; cũng có nhiều trường hợp thuộc trường hợp tinh giản biên chế nhưng lấy lý do bị ốm đau để không thực hiện tinh giản biên chế. Theo đó, dự thảo Nghị định đề nghị:

- Bỏ "Những người đang trong thời gian ốm đau có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền".

- Thay "Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi" bằng "Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế".

- Bổ sung quy định không áp dụng tinh giản biên chế đối với những người đang trong thời bị kiến nghị xử lý kỷ luật theo kết luận thanh tra, giải quyết tố cáo hoặc trong thời gian thuộc đối tượng thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

e) Về chính sách về hưu trước tuổi (Điều 7)

Kế thừa quy định về chính sách về hưu trước tuổi tại 03 Nghị định, dự thảo Nghị định đề nghị:

- Việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức, viên chức được xác định theo tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019 và tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Kết luận số 08-KL/TW.

- Điều chỉnh điều kiện hưởng chính sách về hưu trước tuổi đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã có từ đủ 15 năm và dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ tuổi đời hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Nghị định số 135/2020/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019.

g) Bổ sung chính sách về hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi đến trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (Điều 10)

Để khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã thực hiện tinh giản biên chế nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung chính sách riêng đối với đối tượng tinh giản biên chế là cán bộ, công chức cấp xã như sau:

- Quy định độ tuổi hưởng chế độ về hưu trước tuổi đối với đối tượng này là thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi đến trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên (thấp hơn 05 tuổi so với tuổi đời để hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với các đối tượng tinh giản biên chế khác);

- Về trợ cấp: Ngoài hưởng lương hưu, mức trợ cấp theo năm đóng bảo hiểm xã hội như các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi khác thì các đối tượng này được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định (bằng 1/2 so với mức trợ cấp của các đối tượng khác).

h) Bổ sung chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp (Điều 11)

Để thực hiện Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 và ý kiến của Bộ Chính trị tại Kết luận số 48-KL/TW cần ban hành chính sách đủ mạnh nhằm khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính tự nguyện tinh giản biên chế ngay, dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung Điều 11 mới quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp.

(1) Đối tượng tinh giản biên chế là cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp, ngoài hưởng một trong các chính sách quy định tại Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 9 Nghị định này thì được hưởng thêm mức trợ cấp như sau:

- Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời

điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

- Nếu nghỉ từ 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức trợ cấp bằng 1/2 mức trợ cấp quy định nêu trên.

(2) Đối tượng tinh giản biên chế là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố nghỉ trong thời gian 06 tháng kể khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh bầu cử thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ được hưởng trợ cấp bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh không do bầu cử thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng trợ cấp bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

Theo các phương án dự kiến tiến hành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tại Đề án sắp xếp đơn vị hành chính các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2023 thì dự kiến số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 48.951 người và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư là 27.972 người. Do đó, nếu thực hiện chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì dự kiến nguồn kinh phí để chi trả trợ cấp đối với các đối tượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư nghỉ ngay (nghỉ trước 60 tháng so với lộ trình sắp xếp) là 9.732 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu không bổ sung chính sách này thì Nhà nước vẫn phải chi trả tiền lương đối với số cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư nêu trên với số tiền dự kiến là 19.464 tỷ đồng (gấp đôi số nguồn kinh phí dự kiến chi trả trợ

cấp cho các đối tượng dôi dư đó nếu họ nghỉ ngay) và các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (phần Nhà nước đóng) cho các đối tượng đó. Như vậy, nếu thực hiện chính sách này thì ngân sách nhà nước sẽ phải chi trả ít hơn 9.732 tỷ đồng so với việc chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

i) Về trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế (Chương III)

Để phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương và nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc thực hiện tinh giản biên chế, dự thảo Nghị định đã đề nghị gộp nội dung quy định về trình tự, thời hạn giải quyết tinh giản biên chế (Chương IV) và về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế (Chương V) Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP) thành nội dung quy định về trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế (Chương III dự thảo Nghị định), trong đó giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc chỉ đạo triển khai tinh giản biên chế, xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm, chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; định kỳ trước 15/02 hàng năm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ (dự thảo Nghị định bỏ các quy định về việc xây dựng Đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bỏ quy định giao Bộ Nội vụ kiểm tra đối tượng tinh giản biên chế và Bộ Tài chính kiểm tra, quyết toán kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế).

VI. GIẢI TRÌNH VÀ TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

...

VII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình soạn thảo Nghị định vẫn có ý kiến khác nhau đối tượng áp dụng và bổ sung chính sách tinh giản biên chế tại Điều 10, Điều 11 dự thảo Nghị định. Do vậy, Bộ Nội vụ đề nghị xin ý kiến Thành viên Chính phủ các nội dung sau:

1. Về đối tượng áp dụng

Có ý kiến đề nghị đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định là cán bộ, công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức hoặc thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ; không áp dụng chính sách đối với các đối tượng sau: (1) Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ; (2). Người làm việc trong các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và được Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao; (3) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Trường hợp cần có chính sách tinh giản biên chế đối với các đối tượng nêu trên thì chuyển sang điều khoản áp dụng Nghị định này.

2. Về việc bổ sung chính sách tinh giản biên chế

a) Bổ sung chính sách về hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi đến trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

b) Bổ sung chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp.

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng;
- TT Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu VT, TCBC (05 bản).

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà